

Bản án số: 803/2024/DS-PT

Ngày: 13-9-2024

V/v “Tranh chấp chia thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thảo

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 573/2024/TLPT-DS ngày 25/7/2024 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 302/2024/DS-ST ngày 29/05/2024, của Tòa án nhân dân huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3401/2024/QĐXXPT -DS ngày 2/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12597/QĐPT-DS ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Đặng Thị G, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số M ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Là Người giám hộ của ông Huỳnh Văn U, Theo Quyết định số 13/2008/QĐST-VDS ngày 30/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số M ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 000610 ngày 13/2/2023 tại Văn phòng công chứng An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh). Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự: ông Lê Văn T1, Công ty Luật TNHH MTV Lê Thương và Cộng sự - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1944; Địa chỉ: Số L ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T2, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số L ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. ***Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:*** Luật sư Trương Thị H, Văn phòng Luật sư Trương Thị Hoà, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1955; Địa chỉ: số K, ấp M, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955; Địa chỉ: số C, ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3.3. Bà Phan Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Quốc lộ A, Khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, bà N, bà L (Con của bà Phan Thị B1 – chết 2011): Bà Trâm Thị Tuyết T4, sinh năm 1975; Địa chỉ: E2/36A Khu phố 5, Thị trấn T, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3.4. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1972;

3.5. Ông Huỳnh Văn H2, sinh năm 1975;

3.6. Ông Huỳnh Văn H3, sinh năm 1977;

3.7. Ông Huỳnh Văn H4, sinh năm 1979;

3.8. Ông Huỳnh Văn H5, sinh năm 1982;

3.9. Bà Huỳnh Thị H6, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: 82 Đường số 14, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Là con của ông Huỳnh Văn M – chết năm 1990).

3.10. Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1980;

3.11. Bà Huỳnh Ngọc H7, sinh năm 1983;

3.12. Ông Huỳnh Tấn S, sinh năm 1985;

3.13. Ông Huỳnh Tấn D, sinh năm 1987;

3.14. Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: số T, Ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Là con ông Huỳnh Văn N1 – chết 2007, bà Kiều Thị T5 – chết 2020);

Các con ông Huỳnh Văn S1 (Chết 1996):

3.15. Ông Huỳnh Văn H8, sinh năm 1963; Địa chỉ: số 2 Khu phố E, Thị trấn T, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Văn S2, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 3 Khu phố E, Thị trấn T, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vợ, con ông Huỳnh Văn Đ2 (Chết 2021):

3.16. Bà Lê Thị V, sinh năm 1955 (Vợ);

3.17. Bà Huỳnh Thị Mỹ H9, sinh năm 1979;

3.18. Ông Huỳnh Tấn T6, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: số 4 Ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo ủy quyền của bà V:* Ông Huỳnh Tấn T6, sinh năm 1984 (Giấy ủy quyền số 007798 ngày 10/12/2020 tại Văn phòng Công chứng An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.19. Bà Huỳnh Thị Ánh N2, sinh năm 1986; Địa chỉ: số A đường K, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các con, cháu ông Huỳnh Văn U, bà Đặng Thị G:

3.20. Ông Huỳnh Văn P2, sinh năm 1976;

3.21. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1978;

3.22. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1983;

3.23. Bà Nguyễn Thị Ngọc T7, sinh năm 1990;

3.24. Trẻ Huỳnh Nguyễn Trâm A, sinh năm 2017;

3.25. Trẻ Huỳnh Nguyễn Thảo M1, sinh năm 2019;

Cùng địa chỉ: Số M ấp N, xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo ủy quyền của bà G, ông P2, ông K và đại diện theo pháp luật của trẻ A và trẻ M1: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền số 000611 ngày 13/2/2023 tại Văn phòng Công chứng An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh).*

Các ông bà: bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H5, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Tấn P, bà Huỳnh Ngọc H7, ông Huỳnh Tấn S, ông Huỳnh Tấn D, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Huỳnh Văn H8, ông Huỳnh Văn S2, bà Huỳnh Thị Mỹ H9, ông Huỳnh Tấn T6, bà Huỳnh Thị Ánh N2, bà Nguyễn Thị Ngọc T7 có đơn xin xét xử vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/10/2020; Đơn bổ sung và thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 17/12/2020; ngày 14/11/2023 của nguyên đơn bà Đặng Thị G; các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn có người ông Huỳnh Văn T trình bày:

Vào năm 1993, hộ gia đình bà Phan Thị T8 được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A819894, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: 1107QSDĐ/1993 ngày 15/7/1993, đối với phần đất diện tích 520m² thuộc thửa 2674, tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã X, huyện Y. Theo Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số: 870715CN ngày 10/3/1982, do Công an huyện Y cấp thì vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên hộ bà Phan Thị T8 có 6 thành viên gồm: bà Phan Thị T8, ông Huỳnh Văn U, bà Đặng Thị G, ông Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K và ông Huỳnh Văn T. Năm 1998, bà Phan Thị T8 chết, sau khi bà T8 chết phần di sản thừa kế để lại đã được các đồng thừa kế là các con bà T8 khai nhận di sản theo Văn bản nhận di sản thừa kế số: 195, quyển số: 01 TP/CC – SCT/HNGĐ được Chủ tịch UBND xã X chứng thực ngày 20/4/2009 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y cập nhật vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên vào ngày 03/8/2009.

Đến ngày 29/10/2012, các thành viên trong hộ gia đình bà T8 và các đồng thừa kế của bà T8 được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BM401861, số vào sổ cấp GCN: CH02633 đối với phần đất diện tích 250m² thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60 (theo tài liệu BĐĐC) tương ứng với một phần thửa đất 2674, tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã X, huyện Y do bà Đặng Thị G đại diện hộ gia đình và đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà Phan Thị T8 đứng tên.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị T8 gồm: bà Phan Thị B1, ông Huỳnh Văn N1, ông Huỳnh Văn S1, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Văn D2, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn U. Tuy nhiên, các đồng thừa kế của bà T8 không đồng ý thỏa thuận trong việc phân chia di sản thừa kế nêu trên của bà T8 để lại. Hiện phần đất trên và tài sản trên đất do hộ gia đình của bà G đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp ngày 07/12/2023 (số hợp đồng: 14951/TTĐĐBĐ-VPĐĐ (CS1)), phần tài sản các bên đang tranh chấp chia thừa kế gồm: Phần đất diện tích 250m² thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60, bộ địa chính xã X; Phần đất diện tích 214m² thuộc một phần thửa đất số 2674, tờ bản đồ số 03, (tài liệu chỉnh lý năm 1992), bộ địa chính xã X, huyện Y; Phần công trình nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số M ấp N, xã X, huyện Y tại các vị trí ký hiệu (5), (7), (8), (13), (14), (15) có tổng diện tích là 207,2m².

Do ông Huỳnh Văn U bị mất năng lực hành vi dân sự và bà Đặng Thị G là người giám hộ của ông U. Nay, bà Đặng Thị G đại diện cho ông Huỳnh Văn U yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y chia thừa kế theo pháp luật tài sản của bà Phan Thị T8 để lại cho ông U được hưởng cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Văn U được hưởng phần đất diện tích đất 5,9m² (250m²/6 (thành viên trong hộ)/7 (người đồng thừa kế) thuộc một phần thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60, bộ địa chính xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Văn U được hưởng phần đất diện tích đất 5,08m² (214m²/6 (thành viên trong hộ)/7 (người đồng thừa kế) thuộc một phần thửa đất số 2674, tờ bản đồ số 03, (tài liệu chỉnh lý năm 1992), bộ địa chính xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Văn U được hưởng phần đất diện tích nhà 4,9m² ((210,7m²/6 (thành viên trong hộ)/7 (người đồng thừa kế)) tại địa chỉ Số M ấp N, xã X, huyện Y.

Ông Huỳnh Văn U và hộ gia đình ông U sẽ được toàn quyền sở hữu, sử dụng phần diện tích căn nhà và đất nêu trên. Đồng thời, ông Huỳnh Văn U và hộ gia đình ông U sẽ hoàn lại giá trị tài sản cho các đồng thừa kế của bà Phan Thị T8 được nhận.

Bị đơn bà Huỳnh Thị B có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T2 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã trình bày:

Bà Huỳnh Thị B là con ruột của bà Phan Thị T8. Bà T8 chết vào năm 1998. Bà Phan Thị T8 có tất cả 07 người con gồm: Bà Phan Thị B1, ông Huỳnh Văn N1, ông Huỳnh Văn S1, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Văn D2, ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn U.

Phần đất các bên tranh chấp thuộc thửa số 2674, tờ bản đồ số 03, (tài liệu chỉnh lý năm 1992) và thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60 (BĐĐC) bộ địa chính xã X, huyện Y là tài sản riêng của bà Phan Thị T8, không phải là tài sản chung của hộ gia đình bà T8 theo Công văn số 1584/VPĐK-LT ngày 20/3/2024, của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp thông tin thửa đất qua các thời kỳ. Vì vậy, bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế phần tài sản nêu trên cho những người thừa kế của bà T8 theo quy định pháp luật; đề nghị được chia cho bà B và các đồng thừa kế theo diện tích đất và nhà được hưởng. Không đồng ý chia theo giá trị tài sản thừa kế.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị N, bà Phan Thị L có bà Trâm Thị Tuyết T4 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị N, bà Phan Thị L là con ruột của bà Phan Thị B1, bà B1 chết vào năm 2011, chồng là ông Nguyễn Văn Thơm chết vào năm 1969. Trong vụ án này, bà T4 đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế của bà T8 để lại theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H5, bà Huỳnh Thị H6 cùng trình bày:

Các ông, bà là con ruột của ông Huỳnh Văn M và bà Cao Thị H10. Ông M chết năm 1990. Cha mẹ ông, bà có tất cả 06 người con gồm: ông Huỳnh Văn H5, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Văn H3 và ông Huỳnh Văn H4. Ông Huỳnh Văn M là con ruột của bà Phan Thị T8. Nay bà Đặng Thị G đại diện cho ông Huỳnh Văn U khởi kiện tranh chấp chia di sản thừa kế do bà Phan Thị T8 để lại đối với phần đất thuộc thửa số 2674, tờ bản đồ số 03, và thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60 bộ địa chính xã X, huyện Y thì các ông, bà đề nghị Tòa án chia phần di sản thừa kế của bà Phan Thị T8 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn P, bà Huỳnh Ngọc H7, ông Huỳnh Tấn S, ông Huỳnh Tấn D, bà Huỳnh Thị Ngọc D cùng trình bày:

Các ông, bà là con ruột của ông Huỳnh Văn N1 và bà Kiều Thị T9. Ông Huỳnh Văn N1 chết năm 2007. Bà Kiều Thị T5 chết năm 2020. Cha mẹ các ông, bà có tất cả 05 người con gồm: Ông Huỳnh Tấn P, ông Huỳnh Tấn S, ông Huỳnh Tấn D, bà Huỳnh Ngọc H7 và bà Huỳnh Thị Ngọc D. Ông Huỳnh Văn N1 là con ruột của bà Phan Thị T8. Nay bà Đặng Thị G đại diện cho ông Huỳnh Văn U khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế do bà Phan Thị T8 để lại đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 2674, tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60 bộ địa chính xã X, huyện Y thì các ông, bà đề nghị Tòa án chia phần di sản thừa kế của bà Phan Thị T8 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H8, ông Huỳnh Văn S2 cùng trình bày:

Các ông là con ruột của ông Huỳnh Văn S1. Ông Sáu chết năm 1966. Cha mẹ các ông có tất cả 02 người con gồm: Ông Huỳnh Văn H8, ông Huỳnh Văn S2. Ông Huỳnh Văn S1 là con ruột của bà Phan Thị T8. Nay bà Đặng Thị G đại diện cho ông Huỳnh Văn U khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế do bà Phan Thị T8 để lại đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 2674, tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 821 tờ bản đồ số 60 bộ địa chính xã X, huyện Y thì các ông đề nghị Tòa án chia phần di sản thừa kế của bà Phan Thị T8 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Mỹ H9, ông Huỳnh Tấn T6, bà Huỳnh Thị Ánh N2, bà Lê Thị V trình bày:

Bà Lê Thị V là vợ của ông Huỳnh Văn D2. Ông Huỳnh Văn D2 chết năm 2021. Ông Đức và bà Vân có tất cả 03 người con gồm: Ông Huỳnh Tấn T6, bà Huỳnh Thị Mỹ H9 và bà Huỳnh Thị Ánh N2. Ông Huỳnh Văn D2 là con ruột của bà Phan Thị T8. Nay bà Đặng Thị G đại diện cho ông Huỳnh Văn U khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình và chia di sản thừa kế do bà Phan Thị T8 để lại đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 2674, tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60 bộ địa chính xã X, huyện Y thì các ông, bà đề nghị Tòa án chia phần di sản bà T8 để lại theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K có ông Huỳnh Văn T đại diện cùng trình bày: Các ông, bà là thành viên trong hộ gia đình của bà Phan Thị T8. Các ông bà có cùng ý kiến và lời trình bày như yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G như đã nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T7 và trẻ Huỳnh Nguyễn Trâm A và trẻ Huỳnh Nguyễn Thảo M1 do ông Huỳnh Văn T đại diện trình bày: Bà T7 là vợ của ông Huỳnh Văn T, trẻ A, và trẻ M1 là con ông T, Bà T7 và đều trực tiếp sinh sống trên đất và tài sản gắn liền với đất các bên đang tranh chấp. Bà T7 có ý kiến không liên quan đến vụ án tranh chấp nêu trên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án này theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 302/2024/DS-ST ngày 29/5/2024, của Tòa án nhân dân huyện Y (Tóm tắt) quyết định: Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị G (đại diện ông Huỳnh Văn U) về việc tranh chấp chia thừa kế với bị đơn bà Huỳnh Thị B đối với phần di sản do bà Phan Thị T8 để lại gồm: Phần đất diện tích 250m² thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60 (BĐDC), bộ địa chính xã X; phần đất diện tích 214m² thuộc một phần thửa đất số 2674, tờ bản đồ số 03, (tài liệu chỉnh lý năm 1992), bộ địa chính xã X, huyện Y; phần công trình nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số M ấp N, xã X, huyện Y có tổng diện tích là 207,2m² tại các vị trí ký hiệu (5), (7), (8), (13), (14), (15). Vị trí theo bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp ngày 07/12/2023.

2. Buộc các thành viên trong hộ gia đình gồm: Ông Huỳnh Văn U (có bà Đặng Thị G đại diện), bà Đặng Thị G, ông Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K và ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho:

Bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị N, bà Phan Thị L mỗi người số tiền 55.075.167 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

Ông Huỳnh Tấn P, ông Huỳnh Tấn S, ông Huỳnh Tấn D, bà Huỳnh Ngọc H7 và bà Huỳnh Thị Ngọc D mỗi người số tiền 32.862.222 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Ông Huỳnh Văn H8 và ông Huỳnh Văn S2 mỗi người số tiền 82.346.054 đồng (tám mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

Bà Huỳnh Thị B số tiền 164.692.108 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn một trăm lẻ tám đồng).

Bà Lê Thị V, ông Huỳnh Tấn T6, bà Huỳnh Thị Mỹ H9 và bà Huỳnh Thị Ánh N2 mỗi người số tiền 41.173.027 đồng (bốn mươi một triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Ông Huỳnh Văn H5, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Văn H3 và ông Huỳnh Văn H4 mỗi người số tiền 27.474.083 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi ba đồng). Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Sau khi ông Huỳnh Văn U (có bà Đặng Thị G đại diện), bà Đặng Thị G, ông Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn T thanh toán đủ số tiền cho các đương sự nêu tại mục 2 được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu phần tài sản nêu trên và được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất, tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án; án phí, quyền kháng cáo; nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Ngày 7/6/2024, bà Lê Thị T2 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm 302/2024/DS-ST ngày 29/5/2024. Lý do: Nguồn gốc thửa đất 2674 tờ bản đồ số 3 và thửa đất số 821, tờ bản đồ 60 bộ địa chính xã X, huyện Y được tạo lập riêng do cá nhân của vợ chồng bà Phan Thị T8 trước năm 1975. Không có công sức đóng góp của bà Đặng Thị G; không phải là đất do Nhà nước cấp trước 1993.

Ngày 12/6/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân huyện Y có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 302/2024/DS-ST ngày 29/5/2024, đề nghị: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 302/2024/DS-ST ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, vì có vi phạm về nội dung và tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị B có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị T2 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do Tòa sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn M chết nhưng không đưa bà Cao Thị H10 là vợ tham gia tố tụng; không đồng ý kết quả định giá trị tài sản của Tòa sơ thẩm áp dụng vì giá thấp so với giá thị trường. Đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Y.

Luật sư Trương Thị H người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến: Đại diện bị đơn là bà Huỳnh Thị T2 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở, vì lý do: Ông Huỳnh Văn M chết - có vợ bà Cao Thị H10 không phải là người thừa kế của ông M nhưng cần đưa vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét có công sức hay không; bà Huỳnh Thị Tiết vợ

ông Huỳnh Văn N1 có con riêng là bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh chưa được làm rõ để đưa tham gia tố tụng nên cần phải điều tra lại. Đất tranh chấp là đất riêng của bà Phan Thị T8, vì theo chứng cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/9/1993 là cấp tên cá nhân bà T8 không phải cấp cho hộ gia đình. Bản án sơ thẩm nhận định cấp cho hộ là không đúng và mâu thuẫn với Văn bản trả lời của Sở Tài nguyên và Môi trường. Kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Y là có cơ sở, đã nêu rõ bản vẽ có tài sản trên đất, có tài sản của bà T8 nhưng có tài sản trên đất chưa làm rõ là của ai. Giá trị tài sản đã thẩm định giá hơn một năm là không hợp lý. Vì vậy, đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát và đại diện bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án huyện Y để xét xử lại.

Luật sư Lê Văn T1 bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến: Không đồng ý quan điểm của Luật sư bên bị đơn; kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Y. Vì diện tích đất còn lại của thửa đất 821 và một phần thửa 2674 là tài sản của hộ gia đình bà Phan Thị T8. Ông Huỳnh Văn M chết trước bà T8 nên chỉ con ông M là người thừa kế thế vị không liên quan đến bà Cao Thị H10 vợ ông M. Bà Kiều Thị T5 có con là tên Hạnh hay không thì chính bà Lê Thị T2 cũng không chứng minh được. Nội dung kháng nghị là không đúng, bản đồ hiện trạng đã thể hiện rõ về phần diện tích đất và tài sản của bà T8 chia đều cho hàng thừa kế, vì diện tích đất của bà T8 không đủ tách thửa. Về án phí đây là tài sản chung của hộ do bà G đại diện nên không tính án phí là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn T có ý kiến: Đồng ý với quan điểm tranh luận của Luật sư Thương; không đồng ý yêu cầu và ý kiến của bà T2 và quan điểm tranh luận của luật sư bị đơn. Vì Tờ cam kết và tường trình về quan hệ nhân thân được UBND xã X xác nhận ngày 5/01/2022, của ông Huỳnh Tấn D con ông N1. Bà T5 thể hiện không có người con riêng nào tên Hạnh; theo Trích lục khai sinh cha bà T5 là ông Kiều Văn H11, mẹ bà Trần Thị T10 đều chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đối với kháng cáo của của bị đơn: Qua xem các chứng cứ trong hồ sơ và kết quả xét hỏi tại phiên tòa cho thấy phần đất 520m² của thửa 2674 do UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận cho bà Phan Thị T8 ngày 15/7/1993, theo Công văn số 4589 ngày 19/12/2022, UBND huyện Y đã xác định phần đất này cấp cho hộ gia đình bà T8. Căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình số 160015778 được công an huyện Y trích lục, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất trên cấp cho hộ gia đình bà T8 có 06 thành viên là có cơ sở. Hàng thừa kế của bà T8 là các con trong đó có bị đơn cũng xác nhận việc này. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị B. Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y: Qua xem các chứng cứ trong hồ sơ và kết quả xét hỏi tại phiên tòa chưa đủ căn cứ kháng nghị nên rút một phần về nội dung kháng nghị. Đối với phần án phí: Bản án

sơ thẩm buộc ông Huỳnh Văn U – do bà Đặng Thị G đại diện, ông Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn Kháng, Huỳnh Văn P2 liên đới hoàn trả tiền cho các đồng thừa kế bà Phan Thị T8 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không buộc chịu án phí là thiếu sót nên chấp nhận một phần kháng nghị về án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

Về thời hạn kháng nghị; kháng cáo: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11 ngày 12/6/2024, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị B trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến phản bác của bị đơn và người kế thừa quyền nghĩa vụ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết và xác định “ *Tranh chấp chia thừa kế* ” là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt BLTTDS).

Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà: bà Huỳnh Thị H1, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H5, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Tấn P, bà Huỳnh Ngọc H7, ông Huỳnh Tấn S, ông Huỳnh Tấn D, bà Huỳnh Thị Ngọc D, ông Huỳnh Văn H8, ông Huỳnh Văn S2, bà Huỳnh Thị Mỹ H9, ông Huỳnh Tấn T6, bà Huỳnh Thị Ánh N2, bà Nguyễn Thị Ngọc T7 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện ủy quyền nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn; người kế thừa quyền nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác nhận phần đất diện tích 250m² thuộc thửa đất số 821 và Phần đất diện tích 214m² đều thuộc thửa đất số 2674 tờ bản đồ số 03 (TL02/UB), bộ địa chính xã X, huyện Y; Phần công trình nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số M ấp N, xã X, huyện Y tại các vị trí ký hiệu (5), (7), (8), (13), (14), (15) có tổng diện tích là 207,2m², theo bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập là đúng với tài sản thực tế tranh chấp và hiện do nguyên đơn và toàn bộ hộ gia đình nguyên đơn đang trực tiếp quản lý sử dụng tọa lạc tại địa chỉ: Số M ấp N xã X, huyện Y. Thống nhất diện và hàng thừa kế của bà Phan Thị T8; thời điểm chết của bà Phan Thị T8; ông Huỳnh Văn M, ông Huỳnh Văn N1 như trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của BLTTDS, các đương sự không phải chứng minh cho các tình tiết sự kiện này.

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị B và ý kiến của Luật sư cùng người đại diện theo ủy quyền cho rằng nguồn gốc thửa đất 2674 và thửa đất số 821 bộ địa chính xã X, huyện Y nêu trên được tạo lập trước năm 1975 và cấp riêng theo giấy chứng nhận cho cá nhân bà Phan Thị T8; không có công đóng góp công sức của bà Đặng Thị G và cũng không phải là đất do Nhà nước cấp trước 1993 nên không phải tài sản chung của hộ gia đình bà G, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được các chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; thừa nhận các lý do kháng cáo là ý kiến phản bác đã chứng minh tại giai đoạn sơ thẩm nhưng không được xem xét.

Xét toàn bộ diện tích đất 520m² thuộc thửa 2674 nêu trên ngày 15/7/1993, Ủy ban nhân dân huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A819894, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1107QSDĐ/1993 cho bà Phan Thị T8 và theo giấy chứng nhận thì ngoài thửa đất này còn có 05 thửa đất khác cũng đứng tên bà T8. Giấy chứng nhận được cấp theo Quyết định số 188 ngày 13/10/1992 và theo tờ trình số 26 ngày 16/9/1992, của UBND huyện Y đính kèm danh sách thể hiện toàn bộ diện tích 8073m² cấp cho bà T8 là cấp cho hộ gia đình. Mà theo Sổ hộ khẩu gia đình số 160015778 ngày 10/3/1982 và trước đó là giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu ngày 01/01/1977 được trích lục tại Công an huyện Y, thì thành viên trong hộ bà Phan Thị T8 chỉ có các ông bà: Huỳnh Văn U, Đặng Thị G, Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K và ông Huỳnh Văn T. Những người con cháu khác của bà T8 hoàn toàn không có trong hộ thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên; phù hợp hồ sơ đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T8 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh huyện Y cung cấp cho thấy nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã xác định hộ bà Phan Thị T8 nêu trên đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A819894, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1107QSDĐ/1993 ngày 15/7/1993 đối với phần đất diện tích 520m² thuộc thửa 2674, tờ bản đồ số 3 (theo tài liệu 02/CT-UB), bộ địa chính xã X, huyện Y là đúng quy định pháp luật; không có các chứng cứ thể hiện nguồn gốc đất là của cá nhân bà T8.

[2.2] Mặt khác, nguồn gốc đất và việc cấp giấy chứng nhận ngày 15/7/1993 trong đó có thửa 2674 diện tích 520m² cho hộ bà Phan Thị T8 gồm các thành viên gia đình bà Đặng Thị G nêu trên cũng được chính bị đơn bà Huỳnh Thị B và những người thừa kế của bà T8 thỏa thuận thống nhất xác nhận sau khi bà T8 chết thể hiện tại Văn bản khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận ủy quyền đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/4/2009; Hợp đồng ủy quyền ngày 2/6/2009; Hợp đồng ủy quyền ngày 31/5/2011; thông báo việc khai nhận di sản thừa kế đã xác định phần đất trên là của hộ gia đình bà Phan Thị T8 và nguồn gốc đất này thể hiện ngay tại phân cập nhật thay đổi ngày 3/8/2009 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nêu trên.

Cơ quan quản lý đất đai tại địa phương cũng đã xác nhận nguồn gốc đất cấp cho hộ gia đình bà T8, theo Công văn số 4589/UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y, đã xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1107QSDĐ/1993 ngày 15/7/1993 nêu trên là cấp cho hộ gia đình bà Phan Thị T8. Công văn số 1584/VPĐK-LT ngày 20/3/2024, của Văn phòng đăng ký đất đai

thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, cũng chỉ thể hiện bà Phan Thị T8 và bà Đặng Thị G có đăng ký thửa đất các bên đang tranh chấp theo tài liệu 02/CT-UB và tài liệu bản đồ địa chính năm 2006. Nhưng công văn này nêu rõ chỉ mang tính chất tham khảo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 212 bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của hộ gia đình bà Phan Thị T8 gồm bà T8; ông Huỳnh Văn U, bà Đặng Thị G, Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K và ông Huỳnh Văn T. Vì vậy, ý kiến bên bị đơn cho rằng quyền sử dụng đất thửa 821 và một phần thửa 2674 cùng tài sản gắn liền là di sản của cá nhân bà Phan Thị T8 là không có cơ sở. Hơn nữa, bị đơn xác nhận chỉ có hộ gia đình bà G sinh sống cùng bà T8 và quản lý sử dụng phần đất và nhà tranh chấp nêu nêu nhưng cấp sơ thẩm không xem xét phần công sức giữ gìn cho bên nguyên đơn là đã có lợi cho bên bị đơn và các đồng thừa kế khác của bà T8.

[2.3] Đối với ý kiến của bị đơn và Luật sư cho rằng cấp sơ thẩm không đưa người tham gia tố tụng là bà Cao Thị H10; không xác minh bà Kiều Thị T5 có con riêng hay không; giá trị tài sản thẩm định thấp và thời hạn chứng thư thẩm định giá đã quá 01 năm, thấy: Bà Lê Thị T2 đại diện bị đơn thừa nhận chỉ nghe nói bà T5 có con riêng còn thông tin họ tên cư trú không biết nên không cung cấp được. Theo Tờ cam kết và tường trình về quan hệ nhân thân được UBND xã X xác nhận ngày 5/01/2022, của ông Huỳnh Tấn D con ông N1 thể hiện bà T5 không có người con riêng nào tên Hạnh. Ông Huỳnh Văn M chết trước bà Phan Thị T8 nên bà Cao Thị H10 vợ ông M không phải người kế thừa của ông M nên không có liên quan trong vụ án. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản theo Chứng thư thẩm định giá số 3298/1/CT-ĐN1 ngày 05 tháng 9 năm 2023, của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai, tổng cộng: 6.983.600.000 đồng và bên bị đơn đã được thông báo về kết quả thẩm định giá trên nhưng không có yêu cầu thẩm định giá lại và tại phiên tòa sơ thẩm cũng không yêu cầu, nay bà Lê Thị T2 chỉ yêu cầu nhận đất nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến của Luật sư bên bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đã rút một phần kháng nghị, chỉ giữ phần kháng nghị về án phí, thấy: Bản án sơ thẩm đã giải quyết chia thừa kế phần di sản của bà Phan Thị T8 trong tài sản chung với hộ gia đình bà Đặng Thị G gồm 6 người, bao gồm cả bà T8; đối với phần đất thuộc thửa 821 và một phần thửa 2674 cùng tài sản gắn liền và xác định hộ gia đình nguyên đơn đang quản lý tài sản nên phải hoàn trả giá trị phần tài sản của bà T8 chia cho 07 người thuộc hàng thừa kế của bà T8. Ông Huỳnh Văn U là người được nhận phần thừa kế của bà T8 nay do bà G đại diện giám hộ ông U và đại diện hộ gia đình hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế và thừa kế thế vị của bà T8. Bà G, ông Huỳnh Văn U được miễn án phí; các con ông U, bà G là ông Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn T phải liên đới hoàn trả thay nên không phải chịu án phí. Đồng thời, bà Đặng Thị G là đại diện hộ gia đình và hộ gia đình nguyên đơn không có tranh chấp với nhau về yêu cầu chia tài sản trong hộ, nên Tòa sơ thẩm không buộc nghĩa vụ chịu án phí cho các con bà G, ông U là có cơ sở. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận phần

kháng nghị về án phí của Viện kiểm sát huyện Y và ý kiến quan điểm của Kiểm sát viên.

[2.5] Từ cơ sở phân tích và viện dẫn pháp luật nêu trên cho thấy Tòa sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ và căn cứ vào quy định pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị B. Không chấp nhận ý kiến Luật sư bị đơn và quan điểm của Kiểm sát viên.

[2.6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị B không được chấp nhận nên phải chịu án phí, nhưng do bà là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật. Cấp phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên của bản án sơ thẩm cho chặt chẽ hơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 296; Điểm c khoản 1 Điều 298; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 212, Điều 357, Điều 468, Điều 623, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 29 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi bổ sung năm 2014).

Đình chỉ một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-DS ngày 12/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân huyện Y.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị B; không chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐ-VKS-DS ngày 12/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân huyện Y đối phần án phí. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 302/2024/DS-ST ngày 29/5/2024, của Tòa án nhân dân huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị G (đại diện theo pháp luật của ông Huỳnh Văn U) về việc chia thừa kế đối với phần di sản do bà Phan Thị T8 để lại gồm: Phần đất diện tích 250m² thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60; phần đất diện tích 214m² thuộc một phần thửa đất số 2674, tờ bản đồ số 03, bộ địa chính xã X, huyện Y; phần công trình nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số M ấp N, xã X, huyện Y có tổng diện tích là 207,2m² tương ứng các vị trí (5), (7), (8), (13), (14), (15) - theo bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 07/12/2023.

2. Buộc hộ gia đình bà Đặng Thị G do bà G là chủ hộ và các thành viên trong hộ gia đình gồm: Ông Huỳnh Văn U (có bà Đặng Thị G đại diện), ông Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho:

2.1. Bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị N, bà Phan Thị L mỗi người số tiền 55.075.167 đồng (năm mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

2.2. Ông Huỳnh Tấn P, ông Huỳnh Tấn S, ông Huỳnh Tấn D, bà Huỳnh Ngọc H7 và bà Huỳnh Thị Ngọc D mỗi người số tiền 32.862.222 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

2.3. Ông Huỳnh Văn H8 và ông Huỳnh Văn S2 mỗi người số tiền 82.346.054 đồng (tám mươi hai triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm năm mươi bốn đồng).

2.4. Bà Huỳnh Thị B số tiền 164.692.108 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn một trăm lẻ tám đồng).

2.5. Bà Lê Thị V, ông Huỳnh Tấn T6, bà Huỳnh Thị Mỹ H9 và bà Huỳnh Thị Ánh N2 mỗi người số tiền 41.173.027 đồng (bốn mươi một triệu một trăm bảy mươi ba nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

2.6. Ông Huỳnh Văn H5, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Văn H3 và ông Huỳnh Văn H4 mỗi người số tiền 27.474.083 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Sau khi hộ gia đình bà Đặng Thị G do bà G là chủ hộ và các thành viên trong hộ gia đình gồm: Ông Huỳnh Văn U (có bà Đặng Thị G đại diện), ông Huỳnh Văn P2, ông Huỳnh Văn K, ông Huỳnh Văn T liên đới thanh toán đủ số tiền cho các đương sự nêu trên tại mục 2 của phần quyết định này, thì được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu: phần đất diện tích 250m² thuộc thửa đất số 821, tờ bản đồ số 60; phần đất diện tích 214m² thuộc một phần thửa đất số 2674, tờ bản đồ số 03 bộ địa chính xã X, huyện Y; phần công trình nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Số M ấp N, xã X, huyện Y có tổng diện tích là 207,2m² tương ứng các vị trí (5), (7), (8), (13), (14), (15) theo bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 07/12/2023; được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất, tài sản gắn liền với đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị G, bà Huỳnh Thị B, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị N, bà Phan Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Tấn P, ông Huỳnh Tấn S, ông Huỳnh Tấn D, bà Huỳnh Ngọc H7 và bà Huỳnh Thị Ngọc D mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.643.111 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn một trăm mười một đồng); Ông Huỳnh Văn H8 và ông Huỳnh Văn S2 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.117.303 đồng (bốn triệu một trăm mười bảy nghìn ba trăm lẻ ba đồng); Bà Lê Thị V, ông Huỳnh Tấn T6, bà Huỳnh Thị Mỹ H9 và bà Huỳnh Thị Ánh N2 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.058.651 đồng (hai triệu không trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi một đồng); Ông Huỳnh Văn H5, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị H6, ông Huỳnh Văn H3 và ông Huỳnh Văn H4 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.373.704 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng).

4.2. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hòa